

Số: 96/BC-MNKS

Ninh Sơn, ngày 10 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường

Trường mầm non Kỳ Sơn

2. Địa chỉ: Thôn 5- Xã Ninh Sơn- TP Thủy Nguyên – TP Hải Phòng

Thư điện tử: mamnon-kyson@thuynguyen.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <http://mnkyson.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình

Trường mầm non Kỳ Sơn là trường công lập thuộc UBND Thành phố Thủy Nguyên quản lý, trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

a. Sứ mệnh

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; Để các con trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử phải phép.

Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

b. Tầm nhìn

Được thành lập vào năm 1982, sau hơn 40 năm hoạt động, trường mầm non Kỳ Sơn không ngừng cải tiến để mang đến một nền giáo dục phong phú nhằm phát huy tối đa khả năng vốn có của mỗi trẻ. Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng. Và trên hết, trường mầm non Kỳ Sơn luôn chú trọng để tạo nên một môi trường giáo dục Xanh - An toàn- thân thiện - hạnh phúc, tôn trọng sự khác biệt và tố chất riêng của từng trẻ, từ đó định hình tính cách và định hướng cho trẻ phát triển trong tương lai. Nhà trường đạt chuẩn

về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ. Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới

c.Mục tiêu

Nhằm phát huy quyền làm chủ và huy động mọi tiềm năng trí tuệ của mọi thành viên trong nhà trường theo luật định, góp phần xây dựng nề nếp trật tự kỷ cương trong mọi hoạt động của nhà trường ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội.

Nâng cao chất lượng toàn diện trong nhà trường, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

Giúp CBGVNV nâng cao ý thức, trách nhiệm, quyền hạn của mình trong thực hiện nhiệm vụ góp phần xây dựng tập thể vững mạnh, đoàn kết.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường mầm non Kỳ Sơn tiền thân là trường Mẫu giáo được thành lập từ năm 1982. Nay được mang tên là trường mầm non Kỳ Sơn thuộc xã Ninh Sơn, Thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ban đầu trường có 4 lớp học với 6 CB-GV-NV. Cơ sở vật chất phòng học, trang thiết bị nuôi dưỡng giáo dục còn nghèo nàn, đội ngũ giáo viên, nhân viên còn thiếu chưa đảm bảo chất lượng, học sinh ra lớp còn ít, sự quan tâm của phụ huynh về giáo dục mầm non còn nhiều hạn chế. Trải qua 43 năm xây dựng và phát triển đến nay nhà trường đã có một cơ ngơi khang trang với diện tích 7199m² gồm 19 phòng học và có đầy đủ các phòng chức năng. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo trường đã được công nhận trường Chuẩn quốc gia mức độ 1 vào tháng 12 năm 2019.

Năm học 2024-2025 Trường đạt tập thể lao động tiên tiến, có 9 cá nhân được công nhận chiến sĩ thi đua, 40 cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 1 đồng chí giáo viên được UBND Thành phố Hải Phòng tặng bằng khen và 1 đồng chí quản lý được UBND Thành phố Thủy Nguyên tặng giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

6.Thông tin người đại diện

Họ và tên: Nguyễn Thị Linh. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 5, xã Ninh Sơn, Thành phố Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng

SĐT: 0397.263.728

7.Tổ chức bộ máy

a. Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Hội đồng trường
-----	-----------	---------	-----------------

1	Bà Nguyễn Thị Linh	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Mạc Thị Thu Hương	Phó BTCB-P Hiệu trưởng	Thư ký
3	Bà Trần Thị Trinh	Phó hiệu trưởng	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Lý	Tổ trưởng chuyên môn 5t	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Hiền	Tổ trưởng chuyên môn 4t	Thành viên
6	Bà Đặng Thị Nhân	Tổ trưởng chuyên môn 3t	Thành viên
7	Bà Bùi Thị Hiện	Tổ trưởng chuyên môn NT	Thành viên
8	Bùi Thị Nhung	Bếp trưởng	Thành viên
9	Bà Trần Thị Nghiêm	Bí thư chi đoàn	Thành viên
10	Bà Phạm Thị Mây	Kế toán	Thành viên

b. Quy chế tổ chức và hoạt động

Xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tổ chức chăm sóc, giáo dục (nuôi dạy) trẻ trong độ tuổi từ 2 tuổi đến 6 tuổi theo chương trình giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình cha mẹ trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

c. Chiến lược phát triển

Nhà trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, Ban giám hiệu có năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động, bảo đảm quy chế dân chủ trong trường mầm non. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết, thống nhất và có trách nhiệm cao trong thực hiện mọi nhiệm vụ. Đội ngũ CBGVNV yêu nghề mến trẻ, thái độ gần gũi, thân thiện, có ý thức tự bồi dưỡng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được

quản lý một cách hiệu quả, khoa học. Công tác quản lý chất lượng, kiểm tra, đánh giá trẻ đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN.

Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ luôn được duy trì và nâng cao. Bộ phận chuyên môn tích cực nghiên cứu và tham mưu được các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục giúp trẻ được phát triển toàn diện. Đa số trẻ khỏe mạnh, đoàn kết thân thiện với bạn bè, có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường xung quanh, có nề nếp thói quen phù hợp với độ tuổi.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của UBND TP Thủy Nguyên, Xã Ninh Sơn hàng năm trường đầu tư mua sắm, bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn, hiện đại và đã xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện, xanh - sạch - đẹp, thường xuyên rà soát sửa chữa đảm bảo phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ.

II. ĐỘI CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	59			42	1	13	3			40	1				
I	Giáo viên	40			38	1	1				37	1				
1	Nhà trẻ	8			7	1					6					
2	Mẫu giáo	32			31		1				31	1				
II	Cán bộ quản lý	3			3						3					
1	Hiệu trưởng	1			1						1					
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2					
III	Nhân viên	13			1		12	3								
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên nuôi dưỡng	12					12									
6	Nhân viên khác	3						3								

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	26	
II	Loại phòng học	19	Số 1,5 m ² /trẻ em
1	Phòng học kiên cố	19	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	7.199 m ²	12,4 m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	3500 m ²	6,0 m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1.045m ²	1,8 m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	266 m ²	0,5 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	380 m ²	0,7 m ² /trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	80 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	80 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	195 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	5	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	15	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	24 máy tính, 22 máy in, 1 máy chiếu	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	11	
2	Điều hòa	31	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho gv	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*		19		0,5 m ²	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

V.KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng;

Đánh giá tiêu chí mức 1,2 và 3:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả		
	Đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Tiêu chuẩn 1			
Tiêu chí 1.1	x	x	x
Tiêu chí 1.2	x	x	-
Tiêu chí 1.3	x	x	-
Tiêu chí 1.4	x	x	-
Tiêu chí 1.5	x	x	-
Tiêu chí 1.6	x	x	-
Tiêu chí 1.7	x	x	-
Tiêu chí 1.8	x	x	-
Tiêu chí 1.9	x	x	-
Tiêu chí 1.10	x	x	-
Tiêu chuẩn 2			
Tiêu chí 2.1	x	x	-
Tiêu chí 2.2	x	x	-
Tiêu chí 2.3	x	x	-
Tiêu chuẩn 3			

Tiêu chí 3.1	X	X	-
Tiêu chí 3.2	X	X	-
Tiêu chí 3.3	X	X	-
Tiêu chí 3.4	X	X	-
Tiêu chí 3.5	X	X	-
Tiêu chí 3.6	X	X	-
Tiêu chuẩn 4			
Tiêu chí 4.1	X	X	-
Tiêu chí 4.2	X	X	-
Tiêu chuẩn 5			
Tiêu chí 5.1	X	X	-
Tiêu chí 5.2	X	X	-
Tiêu chí 5.3	X	X	-
Tiêu chí 5.4	X	X	-

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 2

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1

Đánh giá chung

Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, Ban giám hiệu có năng lực quản lý và tổ chức tốt các hoạt động, bảo đảm quy chế dân chủ trong trường mầm non. Tập thể nhà trường là một khối đoàn kết, thống nhất và có trách nhiệm cao trong thực hiện mọi nhiệm vụ. Đội ngũ CBGVNV yêu nghề mến trẻ, thái độ gần gũi, thân thiện, có ý thức tự bồi dưỡng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được quản lý một cách hiệu quả, khoa học. Công tác quản lý chất lượng, kiểm tra, đánh giá trẻ đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan dựa trên các văn bản quy phạm pháp luật về GDMN.

Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ luôn được duy trì và nâng cao. Bộ phận chuyên môn tích cực nghiên cứu và tham mưu được các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục giúp trẻ được phát triển toàn diện. Đa số trẻ khỏe mạnh, đoàn kết thân thiện với bạn bè, có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường xung quanh, có nề nếp thói quen phù hợp với độ tuổi.

Nhà trường luôn được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo hàng năm trường đầu tư mua sắm, bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn, hiện đại và đã xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện, xanh - sạch - đẹp, thường xuyên rà soát sửa chữa đảm bảo phòng chống

tai nạn thương tích cho trẻ.

Hạn chế

Cơ sở vật chất nhà trường đang xuống cấp trầm trọng, một số hạng mục chưa đồng bộ để đáp ứng trường chuẩn Quốc gia, các trang thiết bị hiện đại để hỗ trợ thực hiện chương trình còn thiếu

Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa có.

V.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

T T	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học									
			Toàn trường			Trong đó chia ra						
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ			Mẫu giáo			
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ		3-12 tháng	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	580	100%				98	128	162	192	
		Trẻ học nhóm ghép										
		Trẻ học 2 buổi/ngày	580	100%				98	128	162	192	
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập										
2	Chất lượng CSN D	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	580	100%				98	128	162	192	
		Trẻ được cung cấp chế độ và định lượng kcalo/trẻ	580	100%				624,6	715,7	715,7	715,7	
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	580	100%				98	128	162	192	
		Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng	580	100%				98	128	162	192	
		Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	Trẻ có cân nặng BT	566	97,6%	Đ			97	123	156	190
			Trẻ có chiều cao BT	554	95,5%	Đ			95	112	156	191
				14	2,4%	Đ			1	5	6	2
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân									
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	26	4,4%	Đ			3	16	6	1
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	1	0,17%	Đ			1	0	0	0
			Trẻ thừa cân	9	1,56%	Đ			0	1	3	5
			Trẻ béo phì	7	1,2%	Đ			0	1	2	4
		Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	580	100%	Đ			98	128	162	192	

4	Chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ đi học chuyên cần		550	94,8%				92%	93%	95,5%	98%
		Đánh giá chất lượng GD trẻ	Đạt	543	93%							
			CCG	37	7%							
			Chưa đạt	0								
		Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN		192	100%							192

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

ST T	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước		Thu Trang thiết bị CSBT	Chăm sóc trẻ ngoài giờ HC	Hỗ trợ chi lương người nấu ăn	Thu hộ, chi hộ Tiền ăn	Học tiếng anh có yếu tố nước ngoài	Nhận từ cấp trên
			NSNN nguồn thường xuyên	NS nguồn không TX						
A	CÁC KHOẢN THU	13,248,151,234	8,249,591,784	591,446,450	142,320,000	1,076,361,000	541,978,000	2,316,314,000	328,790,000	1,350,000
	- Ngân sách nhà nước cấp	8,841,038,234	8,249,591,784	591,446,450						
	- Thu từ người học	2,089,449,000			142,320,000	1,076,361,000	541,978,000		328,790,000	
	- Thu hộ - chi hộ	2,316,314,000						2,316,314,000		
	- Thu khác	1,350,000								1,350,000
B	CÁC KHOẢN CHI	13,214,558,607	7,765,607,084	365,900,450	101,109,000	994,747,000	569,967,868	2,300,913,605	327,541,000	1,350,000
I	Các khoản chi cho con người	9,053,930,093	7,274,190,025	175,570,200	-	994,747,000	569,967,868	-	39,455,000	-
1	Tiền lương	2,872,969,590	2,872,969,590							
2	Tiền công	1,207,240,962	637,273,094				569,967,868			
3	Phụ cấp lương	1,413,747,263	1,413,747,263							
4	Các khoản đóng góp	900,265,878	900,265,878							
5	Khen thưởng giáo viên	1,950,000				1,950,000				
6	Phúc lợi tập thể	152,586,000				152,586,000				

7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	2,475,514,400	1,449,934,200	175,570,200		810,555,000			39,455,000	
8	Chi khác	29,656,000				29,656,000				
II	Chi hoạt động của trường	3,980,548,264	491,417,059	11,600,000	101,109,000	-	-	2,300,913,605	288,086,000	-
1	Chi quản lý hành chính:	666,792,059	387,320,059	-	-	-	-	-	279,472,000	-
	- Chi thanh toán dịch vụ công cộng	115,000,459	115,000,459							
	- Vật tư văn phòng	26,400,000	26,400,000							
	- Thông tin truyền liên lạc	10,469,600	10,469,600							
	- Hội nghị	2,800,000	2,800,000							
	- Công tác phí	22,015,000	22,015,000							
	- Chi phí thuê mướn	490,107,000	210,635,000						279,472,000	
2	Mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn, các dịch vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục:	3,313,756,205		11,600,000	101,109,000	-	-	2,300,913,605	8,614,000	-
	- Sửa chữa tài sản phục	25,838,700	25,838,700							

	vụ chuyên môn.									
	- Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn.	-								
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn.	885,594,900	876,980,900						8,614,000	
	- Mua sắm đồ dùng, trang thiết bị phục vụ ăn ngủ bán trú.	101,109,000			101,109,000					
	- Chi hỗ trợ tiền ăn bán trú đã bao gồm chất đốt	2,300,913,605						2,300,913,605		
	- Chi khác	300,000	300,000							
III	Chi hỗ trợ người học	180,080,250	-	178,730,250	-	-	-	-	-	1,350,000
1	Cấp bù học phí theo NQ 54 của TP	113,401,250		113,401,250						
2	Miễn giảm học phí	60,849,000		60,849,000						
3	Hỗ trợ ăn trưa	4,480,000		4,480,000						
4	Hỗ trợ chi phí học tập	1,350,000								1,350,000

VII.KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện tốt việc vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, VSATTP, phòng chống dịch bệnh cho trẻ. Duy trì việc ký hợp đồng mua thực phẩm sạch, an toàn như trong năm học. Thực hiện nghiêm túc việc giám sát giao nhận thực phẩm. Không có dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm xảy ra trong nhà trường.

100% trẻ, CBGVNV làm hồ đảm bảo an toàn tuyệt đối .

CBGVNV tích cực thực hiện công tác an ninh an toàn trường học.

Rà soát cải tiến tiêu chí trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

CBGV đăng ký học bồi dưỡng chuyển đổi số, kỹ thuật xây dựng bài giảng điện tử theo hình thức học trực tuyến.

Nhà trường khuyến khích CBGVNV tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề như: Tham gia các khóa học đại học và sau đại học; tin học cơ bản, tin học nâng cao, tiếng Anh giao tiếp...

Nơi nhận:

- UBND, Phòng GD&ĐT TP TN;
- Các bộ phận có liên quan;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Linh

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 09:37 26/06/2018
bởi Admin Trường (31311317) – Trường Mầm Non Kỳ Sơn